

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, THÀNH PHỐ H**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Thụ

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Trương Văn Lộc

2. Bà Lê Thị Nga

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố H.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Thanh Long – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 09 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 197/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 23 Tổ 11, ấp 2, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố H.

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Giang S, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 24 ấp Bình Thạnh, xã Bình Khánh, huyện C, Thành phố H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn xin ly hôn đề ngày 13/6/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:***

Bà và ông S tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 13/02/2017. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân là tính tình, quan điểm sống không hợp, ông S có hành vi bạo lực gia đình đối với bà, năm 2019 ông S có mối quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Nhận thấy sống chung không còn hạnh phúc nữa nên năm 2019 vợ chồng bà đã ly thân cho đến nay. Nay hạnh phúc hôn nhân không đạt được, bà xin ly hôn với ông S.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Mỹ Uyên, sinh ngày

13/01/2017 và Nguyễn Giang Tuấn Kiệt, sinh ngày 29/4/2022. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn ông Nguyễn Giang S:* Ông S không tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và không có lời khai.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ T có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
2. Ông Nguyễn Giang S vắng mặt không lý do.
3. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, Thành phố H phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; bà T đã chấp hành đúng quy định pháp luật; ông S không tham gia tố tụng trong vụ án.

+ Về giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T vì có cơ sở; do ông S không có lời khai nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Nguyễn Giang S. Ông S có nơi cư trú tại 24 ấp Bình Thạnh, xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ, Thành phố H. Do đó, đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Xét Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với ông S để tham gia phiên hòa giải nhưng ông S vẫn cố tình vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và vụ án được đưa ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đối với ông S để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông S vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bà T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào lời khai của bà T và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận: Bà T và ông S có đăng ký kết hôn và có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chung sống với nhau không hạnh phúc nên giữa hai

bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bà T và ông S hiện nay đã ly thân.

Xét thấy bà T và ông S đã không còn chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã tiến hành triệu tập ông S để tham gia phiên hòa giải mâu thuẫn gia đình nhưng ông S không tham gia phiên hòa giải thể hiện ông S không còn tha thiết với cuộc sống chung. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xác định tình trạng mâu thuẫn giữa bà T và ông S đã trầm trọng, đời sống chung đã thực sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

- *Về con chung*: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Mỹ Uyên, sinh ngày 13/01/2017 và Nguyễn Giang Tuấn Kiệt, sinh ngày 29/4/2022. Xét thấy hiện nay trẻ Uyên và trẻ Kiệt đang sống cùng bà T, trẻ Kiệt dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của mẹ và trẻ Uyên đã có môi trường sống và học tập ổn định cùng với bà T. Vì vậy, để ổn định cuộc sống cho trẻ Uyên và trẻ Kiệt cần giao trẻ Uyên và trẻ Kiệt cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Ông S được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con trẻ, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp giữ nuôi hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ vào các điều 2, 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn Giang S (Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 13/02/2017 của Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố H không còn giá trị pháp lý).

2. Về nuôi con chung: Giao trẻ Nguyễn Thị Mỹ Uyên (nữ), sinh ngày 13/01/2017 và Nguyễn Giang Tuấn Kiệt (nam), sinh ngày 29/4/2022 cho bà Nguyễn Thị Mỹ T trực tiếp nuôi.

Ông Nguyễn Giang S được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích con trẻ, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Mỹ T không yêu cầu ông Nguyễn Giang S cấp dưỡng cho con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0045797 ngày 16 tháng 06 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà T đã nộp đủ án phí.

6. Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thụ**